TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
Bản án số: 76/2024/ DSPT
Ngày: 22/02/2024
V/v: "T/C Hợp đồng tín dụng"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Phan Thị Hồng Dung**
- *Các thẩm phán:* Ông **Nguyễn Quyến**

Bà **Lê Thị Minh Trang**

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa*: Ông **Huỳnh Minh Đức** – thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên toà:* Ông **Trần Thanh Vũ** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 347/2023/TLPT-DS ngày 11 tháng 10 năm 2023, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 631/2023/QĐXXPT - DS ngày 19 tháng 10 năm 2023.

Do bản án số 94/2023/DSST ngày 03/8/2023 của TAND huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ xử sơ thẩm có kháng cáo, giữa các đương sự:

***** Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP B1**

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng A Tòa nhà T số B T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội. Địa chỉ liên hệ: Số F L, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Duy T**, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: ấp M, xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

Theo văn bản uỷ quyền số 999/2023/ QĐ-L.CNCT ngày 21 tháng 02 năm 2024.

***** Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Kim T1**, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ.

***** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1962 (xin xét xử vắng mặt)
2. Bà **Lê Kim C**, sinh năm 1962 (xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Cùng trú tại Số A ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T1

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim T1 trả nợ gốc, lãi đầy đủ cho Ngân hàng TMCP B1 với số tiền tạm tính đến ngày 25/10/2022 là 2.917.107.340 đồng. Trong đó: Vốn gốc là 2.800.000.000 đồng; Lãi trong hạn 89.531.437 đồng, lãi quá hạn: 26.202.020 đồng và lãi phạt chậm trả lãi là 1.373.883 đồng. Trường hợp bà T1 không trả được nợ thì đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ cho phát mãi tài sản đang thế chấp tại Ngân hàng để đảm bảo trả nợ các khoản vay là: Thửa đất số 544, tờ bản đồ số 11, diện tích 6.640 m^2, mục đích: đất ở tại nông thôn 300m^2, đất trồng cây lâu năm 6.340 m^2, thời hạn sử dụng: lâu dài, đất trồng cây lâu năm đến ngày 24/12/2042; toạ lạc tại ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BX 794724, số vào sổ CH01912 do UBND huyện T, thành phố Cần Thơ cấp ngày 04/08/2015 và được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T, thành phố Cần Thơ chỉnh lý thay đổi ngày 08/02/2021.

- Đại diện theo ủy quyền của phía nguyên đơn trình bày: Nguyên vào ngày 08/10/2021, bà Nguyễn Thị Kim T1 đã thoả thuận và ký kết với Ngân hàng TMCP B1 – Chi nhánh C1 Hợp đồng hạn mức tín dụng số HĐTD63B202175 (Hạn mức tín dụng nêu trên bao gồm dư nợ vay tính đến hết ngày 07/10/2021 của hợp đồng Hạn mức tín dụng số HĐTD63B202112 ngày 17/03/2021 được ký giữa Ngân hàng TMCP B1 Chi nhánh C1 – P với Bà Nguyễn Thị Kim T1 chuyển sang và 03 Khế ước nhận nợ số 63B202175/02-03-04 ngày 01/04/2022, ngày 04/04/2022, ngày 07/04/2022). Theo thoả thuận Ngân hàng cho bà Nguyễn Thị Kim T1 vay tiền theo nội dung thỏa thuận sau đây:

- Số tiền vay: 2.800.000.000 đồng (Bằng chữ: hai tỷ tám trăm triệu đồng).

- Mục đích vay: Bổ sung vốn mua lúa gạo.

- Thời hạn hiệu lực của Hợp đồng tín dụng là 12 tháng (từ ngày 08/10/2021 đến hết ngày 08/10/2022).

- Thời hạn vay của số tiền nhận nợ trong mỗi lần vay được tính từ ngày tiếp theo của ngày ngân hàng giải ngân vốn vay cho bên vay cho đến hết ngày bên vay phải trả hết nợ (gốc, lãi) và được ghi nhận trên giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ nhưng không quá 06 tháng.

- Lãi suất: được ghi trên Giấy đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ, thả nổi, điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

- Lãi suất nợ lãi chậm trả 10%/năm.

Để đảm bảo khoản vay, bà T1 có ký kết với Ngân hàng Hợp đồng thế chấp số 12/2021/HĐTC/CNCantho/PGDHL ngày 17/03/2021 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP B1 Chi nhánh C1 – P với bà Nguyễn Thị Kim T1. Tài sản thế chấp là: Thửa đất số 544, tờ bản đồ số 11, diện tích 6.640m^2, mục đích: đất ở tại nông thôn 300 m^2, đất trồng cây lâu năm 6.340 m^2, thời hạn sử dụng: lâu dài, đất trồng cây lâu năm đến ngày 24/12/2042. Đất toạ lạc ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà T1 có thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền lãi là 52.654.865 đồng thì không có khả năng thanh toán nữa, đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ theo thoả thuận. Nay Ngân hàng TMCP B1 yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim T1 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng tổng số nợ tạm tính đến ngày 03/8/2023 là 3.272.854.701 đồng. Trong đó: vốn gốc: 2.800.000.000 đồng; lãi trong hạn 89.531.437 đồng, lãi quá hạn: 383.323.264 đồng. Đồng thời yêu cầu bà T1 tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 04/8/2023 theo hợp đồng đã ký kết cho đến khi thanh toán hết nợ.

Nếu bà T1 không trả, trả không đúng hoặc trả không đầy đủ số nợ trên thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 12/2021/HĐTC/CNCantho/PGDHL ngày 17/03/2021 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP B1 Chi nhánh C1 – P với bà Nguyễn Thị Kim T1 để thu hồi nợ.

Đối với việc bà T1 yêu cầu được xem xét miễn trả lãi quá hạn, lãi phạt thì Ngân hàng không đồng ý mà giữ nguyên yêu cầu như trên. Phía Ngân hàng chỉ có cơ sở xem xét cho bà T1 ở giai đoạn thi hành án nếu bà T1 đã thanh toán được một phần nợ theo quy định của Ngân hàng.

- Bà Nguyễn Thị Kim T1 (bị đơn) có lời khai tại biên bản hòa giải ngày 23/3/2022 tai Tòa án như sau:

Bà thống nhất với toàn bộ ý kiến và yêu cầu của người đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng TMCP B1 trình bày, thừa nhận có ký kết với Ngân hàng TMCP B1 – Chi nhánh C1 – P các hợp đồng sau: Hợp đồng Hạn mức tín dụng số HĐTD63B202112 ngày 17/03/2021, Hợp đồng thế chấp số 12/2021/HĐTC/CNCantho/PGDHL ngày 17/03/2021 và 03 Khế ước nhận nợ số 63B202175/02-03-04 ngày 01/04/2022, ngày 04/04/2022, ngày 07/04/2022. Sau đó, để đáo hạn nợ nên bà có ký kết với Ngân hàng TMCP B1 – Chi nhánh C1 Hợp đồng hạn mức tín dụng số HĐTD63B202175 ngày 08/10/2021 để nhận nợ, chuyển nợ sang Hợp đồng hạn mức tín dụng số HĐTD63B202175 ngày 08/10/2021.

Nay Ngân hàng TMCP B1 yêu cầu bà có trách nhiệm trả cho Ngân hàng tổng số nợ tạm tính đến ngày 23/03/2023 là 3.105.073.146 đồng. Trong đó: Vốn gốc là 2.800.000.000 đồng; lãi trong hạn 89.531.437 đồng, lãi quá hạn: 215.541.709 đồng thì bà thống nhất và đồng ý trả số nợ tạm tính đến ngày 23/03/2023 là 3.105.073.146 đồng nêu trên và đồng ý tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 24/3/2023 theo lãi suất thoả thuận tại hợp đồng đến khi thanh toán hết nợ. Tuy nhiên, do làm ăn thua lỗ nên mới vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nay yêu cầu ngân hàng xem xét miễn cho bà không phải trả khoản nợ lãi quá hạn, lãi phạt để bà có điều kiện sớm thanh toán nợ, bà yêu cầu Ngân hàng cho bà thời hạn 90 ngày tính kể từ ngày hôm nay để bà trả dứt nợ và xoá thế chấp. Nếu bà không trả, trả không đúng hoặc trả không đầy đủ số nợ trên thì bà đồng ý để Ngân hàng yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số: 12/2021/HĐTC/CNCantho/PGDHL ngày 17/03/2021 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP B1 Chi nhánh C1 – P với bà Nguyễn Thị Kim T1 để thu hồi nợ. Trường hợp sau phát mãi tài sản bảo đảm không đủ thanh toán nợ thì bà đồng ý tiếp tục trả nợ vay cho đến khi trả dứt nợ.

Tài sản thế chấp nêu trên hiện nay do hộ của bà gồm: Cha, mẹ và vợ chồng em trai, em dâu bà tên: Nguyễn Văn S (SN: 1962, Lê Kim C (SN: 1962), Nguyễn Ngọc K và Nguyễn Thị Thùy D đang quản lý, sử dụng. Ngoài ra, bà đang tranh chấp với bà Nguyễn Thị B để yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở người có QSD đất do không chịu ký giáp ranh cho bà. Tuy nhiên, bà không yêu cầu Toà án xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp.

Ông Nguyễn Văn S và bà Lê Kim C có lời khai: Hiện tại ông, bà đang ở trên thửa đất thế chấp. Tuy nhiên, QSD đất này ông, bà đã bán cho bà T1 nên không có yêu cầu gì trong vụ án này. Trường hợp bà T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng và Ngân hàng có yêu cầu phát mãi phần đất thế chấp thì ông, bà sẽ di dời đi nơi khác và giao đất để phát mãi theo quy định. Do bận công việc nên ông, bà xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu, bị đơn vắng mặt.

Tại bản án sơ thẩm số 94/2023/DSST ngày 03/8/2023 của TAND huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B1. Buộc bà Nguyễn Thị Kim T1 có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP B1 tổng số nợ chưa thanh toán (gồm nợ gốc, nợ lãi, phạt chậm trả lãi) tính đến ngày 03 tháng 8 năm 2023 là 3.272.854.701 (Ba tỷ hai trăm bảy mươi hai triệu tám trăm năm mươi bốn nghìn bảy trăm lẻ một) đồng. Trong đó: Vốn gốc 2.800.000.000 đồng; lãi trong hạn 89.531.437 đồng, lãi quá hạn 375.032.158 đồng, phạt chậm trả lãi là 8.291.106 đồng.

Kể từ ngày 04 tháng 8 năm 2023 đối với số tiền nợ gốc chưa trả, thì bên phải thi hành án còn phải tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất được thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số HĐTD63B202175 ngày 07/10/2021 nhưng không được vượt quá 150% lãi suất cho vay của Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán cho đến khi thi hành án xong.

Trường hợp bà Nguyễn Thị Kim T1 không trả được nợ thì Ngân hàng TMCP B1 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp QSD đất số 12/2021/HĐTC/CNCantho/PGDHL ngày 17/03/2021 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP B1 Chi nhánh C1 – P với bà Nguyễn Thị Kim T1 để thu hồi nợ. Trường hợp số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng TMCP B1 thì bà Nguyễn Thị Kim T1 vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi trả xong nợ.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo qui định.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T1 giữ nguyên đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm về phần tính lãi trong hạn, quá hạn và lãi phạt vì dịch bệnh kéo dài ảnh hưởng đến kinh doanh không hiệu quả, mất khả năng thanh toán do tạm ngưng hoạt động. Hiện tại đất của bà đang bị tranh chấp ranh với người khác nên tòa xem xét theo qui định của pháp luật.

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử bác

kháng cáo của bị đơn giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*** Nhận xét và đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa**:

-Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử, thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

-Về nội dung giải quyết vụ án: Trên cơ sở xem xét Hợp đồng tín dụng cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận (có bài phát biểu kèm theo). Xét kháng cáo của bị đơn về lãi suất là không có cơ sở, tuy nhiên đối với phần lãi phạt chậm trả lãi cấp sơ thẩm chấp nhận là chưa phù hợp, nên kháng cáo của bị đơn được chấp nhận phần này. Đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, trên cơ sở tranh tụng giữa các bên, ý kiến của kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết*: Theo đơn khởi kiện Ngân hàng yêu cầu bị đơn trả nợ theo Hợp đồng tín dụng và phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ, do bị đơn và đất thế chấp tọa lạc tại T nên xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai theo qui định khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về tố tụng*: Bà Nguyễn Thị Kim T1 trình bày tài sản đang thế chấp để vay vốn Ngân hàng do ông Nguyễn Văn S, bà Lê Kim C, ông Nguyễn Ngọc K và Nguyễn Thị Thùy D đang quản lý sử dụng. Tuy nhiên, bà T1 cho rằng chỉ cho cha mẹ và vợ chồng Nguyễn Ngọc K ở nhờ. Thửa đất 544 là tài sản chung vợ chồng của ông S. Ông S và bà C có lời khai xác định đã chuyển nhượng cho bà T1, không có yêu cầu gì trong vụ án này. Trường hợp bà T1 không trả được nợ thì đồng ý phát mãi tài sản bà T1 đã thế chấp để thu hồi nợ. Do ông K và bà D không liên quan gì đến QSD đất tại thửa 544 nên không đưa ông K và bà D vào tham gia tố tụng, nếu có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác. Bà Kim T1 được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai (bà T1 không có yêu cầu phản tố trong vụ án), ông S và bà C có yêu cầu xét xử vắng mặt. Tòa sơ thẩm căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt là phù hợp.

[3] *Về nội dung*: Tại phiên tòa phía nguyên đơn là Ngân hàng TMCP B1 có đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Duy T trình bày yêu cầu cụ thể là yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim T1 có trách nhiệm trả số tiền vốn gốc, lãi phát sinh theo hợp đồng hạn mức tín dụng số HĐTD63B202175 (Hạn mức tín dụng nêu trên bao gồm dư nợ vay tính đến hết ngày 07/10/2021 của hợp đồng Hạn mức tín dụng số HĐTD63B202112 ngày 17/03/2021 được ký giữa Ngân hàng TMCP B1 Chi nhánh C1 – P với Bà Nguyễn Thị Kim T1 chuyển sang và 03 Khế ước nhận nợ số 63B202175/02-03-04 ngày 01/04/2022, ngày 04/04/2022, ngày 07/04/2022) với số nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn chưa thanh toán, phạt chậm trả lãi tính đến ngày 03 tháng 8 năm 2023 là 3.272.854.701 đồng. Trong đó: Vốn gốc: 2.800.000.000 đồng; lãi trong hạn 89.531.437 đồng, lãi quá hạn tính đến ngày 03/8/2023 là 383.323.264 đồng. Đồng thời yêu cầu bà T1 tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 04/8/2023 theo hợp

đồng đã ký kết cho đến khi thanh toán hết nợ. Phía nguyên đơn là Ngân hàng TMCP B1 đã cung cấp được chứng cứ chứng minh về số tiền bà Nguyễn Thị Kim T1 còn nợ. Đối với bà T1 thừa nhận số nợ vốn gốc, mức lãi suất cũng như dư nợ còn thiếu tại thời điểm hoà giải chốt nợ. Đây là tình tiết không phải chứng minh được quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ là có căn cứ để chấp nhận.

[4] *Về yêu cầu kháng cáo của bà Kim T1 đối với phần lãi suất*; Xét thấy tại phiên tòa bà T1 không cung cấp thêm chứng cứ mới nào khác để làm căn cứ xem xét, phía Ngân hàng không đồng ý vơi yêu cầu này của bà T1. Tuy nhiên tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của phía Ngân hàng cho rằng yêu cầu này sẽ được xem xét tại giai đoạn thi hành án theo qui định của ngân hàng, do việc tính lãi theo hợp đồng tín dụng là phù hợp, nên không có cở sở để xét miễn tiền lãi theo nội dung kháng cáo của bà T1. Vì vậy cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của phía nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị Kim T1 có trách nhiệm trả số tiền nợ vốn gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn cho phía Ngân hàng TMCP B1 tính đến ngày 03/8/2023 là phù hợp. Đối với khoản lãi phạt số tiền phạt chậm trả lãi 8.291.106 đồng là lãi chồng lãi, cấp sơ thẩm chấp nhận số tiền này là chưa hợp lý theo hướng dẫn tại NQ số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2029 của HĐTP Tòa án nhân dân Tối cao, do vậy cần điều chỉnh lại phần này và cần rút kinh nghiệm đối với cấp sơ thẩm. Vì vậy chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo phần lãi phạt chậm trả của bà T1, các phần khác không có cơ sở xem xét được giữ nguyên. Như vậy tổng số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 3.264.536.595 đồng.

[5] Về yêu cầu xử lý tài sản theo hợp đồng thế chấp: Trường hợp bà T1 không trả, trả không đúng hoặc trả không đầy đủ số nợ trên thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số: 12/2021/HĐTC/CNCantho/PGDHL ngày 17/03/2021 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP B1 Chi nhánh C1 – P với bà Nguyễn Thị Kim T1 để thu hồi nợ là yêu cầu hợp pháp và hợp lý nên cần được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim T1 chịu nộp theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên do cấp sơ thẩm có sự nhầm lẫn cách tính lãi nên cần điều chỉnh lại cho phù hợp.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà T1, nên không phải nộp theo quy định của pháp luật. Ngân hàng phải chịu án phí đối với số tiền không được chấp nhận là 8.291.106 đồng.

[8] Nhận xét và đề nghị của kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng : - Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

- Về hình thức: Chấp nhận đơn kháng cáo hợp lệ của bà Nguyễn Thị Kim T1.

- Về hình thức: Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim T1.

Sửa một phần bản án sơ thẩm;

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B1. Buộc bà Nguyễn Thị Kim T1 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP B1 tổng số nợ chưa thanh toán (gồm nợ gốc, nợ lãi, phạt chậm trả lãi) tính đến ngày 03 tháng 8 năm 2023 là **3.264.562.595 đồng** (Ba tỷ hai trăm sáu mươi bốn triệu năm trăm năm sáu mươi lăm nghìn năm trăm chín mươi lăm đồng). Trong đó: Vốn gốc 2.800.000.000 đồng; lãi trong hạn 89.531.437 đồng, lãi quá hạn 375.032.158 đồng.

Kể từ ngày 04 tháng 8 năm 2023 đối với số tiền nợ gốc chưa trả, thì bên phải thi hành án còn phải tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất được thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số HĐTD63B202175 ngày 07/10/2021 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán cho đến khi thi hành án xong.

2. Trường hợp bà Nguyễn Thị Kim T1 không trả được nợ thì Ngân hàng TMCP B1 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp QSD đất số 12/2021/HĐTC/CNCantho/PGDHL ngày 17/03/2021 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP B1 Chi nhánh C1 – P với bà Nguyễn Thị Kim T1 để thu hồi nợ. Trường hợp số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng TMCP B1 thì bà Nguyễn Thị Kim T1 vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi trả xong nợ.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim T1 phải nộp **97.291.272** đồng (chín mươi bảy triệu, hai trăm chín mươi mốt ngàn, hai trăm bảy mươi hai đồng).

Ngân hàng TMCP B1 không phải chịu án phí được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí 22.458.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005999 ngày 14/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Lai.

4. Về án phí phúc thẩm: Bà T1 được nhận lại 300.000đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0005295 ngày 16/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ. Ngân hàng TMCP B1 phải nộp 414.555 đồng án phí giá ngạch.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 22/02/2024.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- TAND huyện Thới Lai;
- Chi cục T.H.A DS huyện Thới Lai;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Đương sự;
- Lưu hs, vp.

Phan Thị Hồng Dung